TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST
Ngày: 17/3/2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nga;

2. Ông Ngô Văn Mừng;

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1972; địa chỉ: số 126, tổ 5, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt).

1.2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1970; địa chỉ: số 126, tổ 5, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Văn L, sinh năm 1970; địa chỉ: tổ 4, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

2.2. Bà Nguyễn Duy Đ1, sinh năm 1969; địa chỉ: tổ 4, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn ông Huỳnh Văn B, bà Nguyễn Thị Đtrình bày: Ông, bà là vợ chồng với nhau, do chỗ quen biết với ông Trần Văn L và bà Nguyễn Duy Đ1 nên ngày 13/11âl/2017 vợ chồng ông L, bà Đ1 có vay của vợ chồng ông B, bà Đsố tiền 25.000.000 đồng, đến ngày 26/11âl/2017, ông L, bà Đ1 tiếp tục vay số tiền 7.000.000 đồng, tổng cộng 32.000.000 đồng, việc vay tiền này có làm biên nhận do bà Đ1 viết; ông L, bà Đ1 có ký tên vào biên nhận, số tiền vay này ông L, bà Đ1 là người trực tiếp nhận tiền. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, thời hạn trả nợ là 01 mùa xoài là 05 tháng (tức đến ngày 26/4âl/2018). Từ khi vay ông L, bà Đ1 có đóng lãi được 03 tháng trên số tiền 25.000.000 đồng = 1.500.000 đồng thì ngưng cho đến nay.

Ngoài ra, vợ chồng ông B, bà Đcó làm chủ dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng khui 01 lần, gồm 21 hụi viên, ông L, bà Đ1 tham gia 01 phần. Hụi khui đến lần thứ hai (ngày 06/10âl/2017) thì ông L, bà Đ1 hốt hụi. Từ khi hốt hụi ông L, bà Đ1 còn 19 lần hụi chết không chầu cho vợ chồng ông B, bà Đđến nay. Sau khi hốt hụi thì ông L, bà Đ1 có viết biên nhận còn nợ ông B, bà Đ19 lần hụi chết, với số tiền 19.000.000 đồng và cam kết trả 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ, nhưng từ khi viết cam kết nợ hụi đến nay, ông L, bà Đ1 không thực hiện nghĩa vụ như cam kết. Hiện nay, ông L, bà Đ1 còn nợ vợ chồng ông B, bà Đsố tiền hụi 19.000.000 đồng nên ông B, bà Đyêu cầu ông Trần Văn L và bà Nguyễn Duy Đ1 có nghĩa vụ trả cho ông B, bà Đsố tiền vay còn nợ 32.000.000 đồng, tiền hụi 19.000.000 đồng, tổng cộng 51.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 01/01/2018 đến ngày Tòa án xét xử.

Ngày 17/11/2020 ông B, bà Đthay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và xác định yêu cầu khởi kiện như sau: yêu cầu ông Trần Văn L và bà Nguyễn Duy Đ1 có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ 32.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày

01/01/2018 đến ngày Tòa án xét xử; yêu cầu ông Trần Văn L và bà Nguyễn Duy Đ1 có nghĩa vụ trả số tiền hụi còn nợ 19.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông B, bà Đxác định trong quá trình khởi kiện ông L, bà Đ1 có trả dần cho vợ chồng ông, bà tổng cộng 8.000.000 đồng. Nay, ông B, bà Đđồng ý khấu trừ số tiền 8.000.000 đồng vào số nợ 51.000.000 đồng, ông B, bà Đrút lại yêu cầu tính lãi suất trên số tiền vay. Ông B, bà Đxác định yêu cầu như sau: Yêu cầu ông L, bà Đ1 trả số tiền vay và hụi còn nợ tổng cộng là 43.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất trên số tiền vay và hụi. Ông B, bà Đxin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn 8.000.000 đồng và rút yêu cầu tính lãi suất trên số tiền vay và hụi.

Bị đơn ông Trần Văn L, bà Nguyễn Duy Đ1 được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ngày 13/11al/2017, ông Trần Văn L, bà Nguyễn Duy Đ1 có vay ông Huỳnh Văn B, bà Nguyễn Thị Đ25.000.000 đồng, đến ngày 26/11al/2017 vay thêm 7.000.000 đồng, tổng cộng 32.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn trả là 01 mùa xoài (05 tháng), có trả lãi 1.500.000 đồng. Ngoài ra, ông L, bà Đ1 có tham gia 01 dây hụi do ông B, bà Đlàm chủ, cụ thể: Ngày 06/10al/2017, ông L, bà Đ1 tham gia dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, có 21 hụi viên, ông L, bà Đ1 tham gia 01 phần, đã hốt hụi xong (ngày 06/11al/2017), còn nợ hụi chết 19.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ. Ông B, bà Đyêu cầu ông L, bà Đ1 liên đới trả tiền vay 32.000.000 đồng tiền hụi 19.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, ông B và bà Đyêu cầu ông L và bà Đ1 liên đới trả tiền vay và tiền hụi còn nợ tổng cộng 43.000.000 đồng, rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 8.000.000 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi suất.

Ông L, bà Đ1 vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông B, bà Đ.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa ông B, bà Đvới ông L, bà Đ1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của các bên và lập thành văn bản ngày 13/11al/2017, có chữ ký của ông L, bà Đ1, nên việc ông B, bà Đkhởi kiện là có căn cứ.

Về hợp đồng góp hụi, căn cứ khởi kiện của ông B, bà Đlà 01 giấy hụi 1.000.000 đồng/tháng do ông B, bà Đlập. Mặt khác, lời khai của ông Nguyễn Văn Bòn đều xác định ông L, bà Đ1 có tham gia 01 dây hụi do ông B, bà Đlàm chủ, ông L, bà Đ1 đã

được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện về số nợ hụi, nên việc ông B, bà Đkhởi kiện là có căn cứ.

Việc ông B, bà Đrút lại yêu cầu khởi kiện số tiền 8.000.000 đồng và rút lại yêu cầu tính lãi suất là tự nguyện, nên cần đình chỉ đối với phần rút yêu cầu này.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 298, 471, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn B, bà Nguyễn Thị Đ.

- Buộc ông Trần Văn L, bà Nguyễn Duy Đ1 trả ông Huỳnh Văn B, bà Nguyễn Thị Đ43.000.000 đồng.

- Đình chỉ đối với phần rút yêu cầu khởi kiện số tiền 8.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Trần Văn L, bà Nguyễn Duy Đ1. Ông L, bà Đ1 có nơi cư trú ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Trần Văn L, bà Nguyễn Duy Đ1 đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là có căn cứ.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn yêu cầu ông L, bà Đ1 trả số tiền vay, tiền hụi còn nợ tổng cộng 51.000.000 đồng. Do vậy, vụ án được xác định là tranh chấp giao dịch dân sự về Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn 8.000.000 đồng và rút yêu cầu tính lãi suất trên số tiền vay và hụi. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự và sự thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu ông Trần Văn L, bà Nguyễn Duy Đ1 thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay 32.000.000 đồng, tiền hụi 19.000.000 đồng,

tổng cộng 51.000.000 đồng. Ông B, bà Đcung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là *"Biên nhận nợ ngày 13/11âl/2017"*, có chữ ký, chữ viết đề họ và tên Trần Văn L, Nguyễn Duy Đ1. Bên cạnh đó, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ đối với người làm chứng, qua đó người làm chứng xác định, ông là người giới thiệu ông L, bà Đ1 để vay tiền của ông B, bà Đtổng cộng là 32.000.000 đồng và ông là người trực tiếp chứng kiến việc ông L, bà Đ1 thừa nhận còn nợ tiền hụi của ông B, bà Đlà 19.000.000 đồng, ông L là người trực tiếp viết biên nhận nợ và cùng vợ là bà Đ1 ký tên, viết chữ đề họ và tên Trần Văn L, Nguyễn Duy Đ1 vào biên nhận nợ ngày 13/11âl/2017. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập ông L, bà Đ1 tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông L, bà Đ1 vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có đủ cơ sở xác định các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm Đ1 cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, việc ông L, bà Đ1 đã vay tài sản và tham gia góp hụi với ông B, bà Đvà còn nợ số tiền vay 32.000.000 đồng, tiền hụi 19.000.000 đồng, tổng cộng 51.000.000 đồng là có thật, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 471 Bộ luật dân sự 2015. Phía ông L, bà Đ1 đã trả dần cho ông B, bà Đ8.000.000 đồng, hiện còn nợ tiền vay và hụi 43.000.000 đồng. Nay, ông B, bà Đyêu cầu ông L, bà Đ1 trả số tiền vay, hụi còn nợ tổng cộng 43.000.000 đồng đồng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về lãi suất: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Từ cơ sở phân tích trên, có cơ sở buộc ông L, bà Đ1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông B, bà Đsố tiền vay và tiền hụi tổng cộng 43.000.000 đồng.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông L, bà Đ1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông B, bà Đnên phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 288, Điều 357, Điều 466, Điều 471 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn B, bà Nguyễn Thị Đđối với ông Trần Văn L, bà Nguyễn Duy Đ1.

Buộc ông Trần Văn L, bà Nguyễn Duy Đ1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn B, bà Nguyễn Thị Đsố tiền vay và tiền hụi tổng cộng 43.000.000 đồng *(Bốn mươi ba triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn B, bà Nguyễn Thị Đđối với số tiền vốn 8.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất trên số tiền vay và hụi.

- Án phí dân sự sơ thẩm: 2.150.000 đồng (*Hai triệu, một trăm năm mươi nghì*n) đồng, ông Trần Văn L và bà Nguyễn Duy Đ1 phải chịu.

Hoàn lại cho ông Huỳnh Văn B, bà Nguyễn Thị Đtiền tạm ứng án phí 1.275.000 (Một triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, mà ông, bà đã nộp theo biên lai thu số 0013657, ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư